**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 12 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 12 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 15 |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 15 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 15 |
| Mở đầu | 15 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 17 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 19 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 21 |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 23 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 25 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 27 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 29 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 30 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 32 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | 34 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên** | 35 |
| Mở đầu | 35 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 35 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 37 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 40 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 42 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bi dạy học** | 42 |
| Mở đầu | 42 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích khuôn viên và sân vườn | 42 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 45 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 47 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 49 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 51 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 53 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 55 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 56 |
| Mở đầu | 56 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 56 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 58 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 60 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 60 |
| Mở đầu | 60 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 61 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 63 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ | 65 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 67 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 69 |
| II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4 | 70 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 71 |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá.**

* 1. **Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 1.4 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 1.5 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 1.6 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.9 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  |  | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 2.2 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 2.3 |  |  | x |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 3.2 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 3.4 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 3.5 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 3.6 |  |  | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 4.2 |  |  |  | x |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 5.3 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |  |  |  |

**Kết quả:** Đạt Mức 2.

* 1. **Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **(Khoản, Điều)** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |  |
| Khoản 1, Điều 22 | x |  |  |
| Khoản 2, Điều 22 | x |  |  |
| Khoản 3, Điều 22 | x |  |  |
| Khoản 4, Điều 22 | x |  |  |
| Khoản 5, Điều 22 | x |  |  |
| Khoản 6, Điều 22 | x |  |  |

**Kết quả:** Không đạt

**2. Kết luận: Trường đạt Mức**

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mẫu giáo Sen Hồng

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ 13

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Trần Thị Hương |
| Huyện/quận/ thị xã/ thành phố | Bình Chánh | Điện thoại | 0987022511 |
| Xã / phường / thị trấn | Bình Lợi | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không | Website | mgsenhong.binhchanh.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1983 | Số điểm trường | Có 05 điểm (chỉ hoạt động ở điểm chính) |
| Công lập | Có | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Dân lập | Không | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** |
| Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 01 |
| Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 01 |
| Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 01 |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 01 | 01 | 01 | 01 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 04 | 04 | 04 | 04 | 03 |
| **Cộng** | **06** | **06** | **06** | **06** | **07** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 06 | 06 | 06 | 06 | 10 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 10 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 06 | 06 | 06 | 06 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 06 | 06 | 06 | 06 | 10 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 10 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 06 | 06 | 06 | 06 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 01 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị | 01 | 01 | 01 | 01 | 07 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 07 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **V** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 02 |  |
|  | **Cộng** | **12** | **06** | **11** | **09** | **24** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 03/2019):

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Giáo viên | 14 | 14 | 00 | 00 | 04 | 10 |  |
| Nhân viên | 09 | 07 | 00 | 00 | 08 | 01 |  |
| **Cộng** | **25** | **23** | **00** | **00** | **12** | **13** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 10 | 11 | 11 | 11 | 14 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 00 | 00 | 00 | 00 | 20/2=10 |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 39/2=19.5 | 17/01=17 | 16/01=16 | 25/01=25 | 00 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)* | 175/8=21,87 | 160/10=16 | 184/10=18,4 | 190/10=19 | 188/12=15,66 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 02 | 0 | 04 | 00 | 04 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| ... | Các số liệu khác (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 214 | 177 | 200 | 215 | 208 |  |
| *- Nữ* | 92 | 82 | 95 | 110 | 101 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Khuyết tật | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 4 | Tuyển mới | 95 | 120 | 137 | 130 | 206 |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 105 | 6 | 4 | 00 | 00 |  |
| 6 | Bán trú | 202 | 01 | 6 | 08 | 11 |  |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 214/6=35,66 | 177/6=29,5 | 200/6=33,33 | 215/6=25,83 | 208/7=29,71 |  |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 214/12=17,8 | 177/12=14,75 | 200/12=16,6 | 215/12=17,9 | 208/14=14,8 |  |
| 9 | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 20 |  |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 17 | 25 | 36 | 31 | 35 |  |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 23 | 43 | 36 | 45 | 59 |  |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 174 | 91 | 133 | 134 | 94 |  |
| ... | Các số liệu khác (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

**1. Tình hình chung của nhà trường:**

Trường Mẫu giáo Sen Hồng được thành lập từ năm 2004 theo Quyết định số 1912/2004-QĐ-UBND ngày 18/8/2004 của Uỷ ban nhân dân huyện Bình Chánh về việc thành lập Trường Mẫu giáo Sen Hồng trực thuộc Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Bình Chánh; và đi vào hoạt động từ năm 2004 với tên gọi trường Mẫu giáo Sen Hồng. Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh, trường tọa lạc tại địa chỉ C7/249/1 Ấp 2, đường Vườn Thơm, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh với tổng diện tích là 1.210 m2. Tháng 9/2019 trường được được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh giao thêm 1 điểm trường tại địa chỉ ấp 2 đường Trương Văn Đa, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh với tổng diện tích xây dựng 5.237,48 m2, trong đó diện tích xây dựng là 1.579.1 m2 . Khối nhà chính với qui mô 01 trệt, 01 lầu, gồm 10 phòng học và 02 phòng chức năng, các phòng học đều có đủ ánh sáng, thoáng mát, sạch sẽ, được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi phù hợp lứa tuổi đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Từ năm 2014 đến nay, nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ, công tác Đảng, công tác Đoàn và đạt nhiều thành tích như: Thực hiện tốt trong việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gương điển hình dân vận khéo, nhiều năm liền chi bộ trong sạch vững mạnh, công đoàn vững mạnh; chi đoàn mạnh. Nhà trường nhiều năm liền đạt lao động tiên tiến, thực hiện tốt công tác an ninh trật tự trong nhà trường.

Trường nhận nuôi dạy trẻ từ 25 tháng tuổi đến trẻ 5 - 6 tuổi, địa bàn tuyển sinh chủ yếu là xã Bình Lợi, xã Đức Hòa (Bến Lức, Long An).

Trường hoạt động theo quy chế tổ chức của trường công lập với 1 điểm chính.

**2. Mục đích tự đánh giá:**

Mục đích tự đánh giá là giúp nhà trường xác định trường mầm non đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường.

Làm căn cứ để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường nhằm tăng cường, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong nhà trường về chất lượng giáo dục và trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

**3. Tóm tắc quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:**

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Trường Mẫu giáo Sen Hồng thực hiện tự kiểm định chất lượng nhà trường với quá trình tự đánh giá như sau:

Ngày 22/01/2019: Thành lập hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số**:** 07//QĐ-MGSH ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Ngày 11/02/2019: Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Từ ngày 18/02/2019 đến ngày 28/02/2019: Các nhóm công tác và nhóm thư ký thu thập và xử lí các thông tin, minh chứng.

Các nhóm tiến hành tự đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí thông qua phiếu đánh giá tiêu chí; tổ chức xem xét thảo luận trong nhóm và trong Hội đồng tự đánh giá để hoàn thiện phiếu đánh giá tiêu chí.

Từ ngày 01/03/2019 đến ngày 08/03/2019: Ban thư ký tổng hợp phiếu đánh giá tiêu chí và tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

Ngày 15/03/2019: Công bố báo cáo tự đánh giá trong Hội đồng sư phạm để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Ngày 25/03/2019: Hội đồng tự đánh giá nghiên cứu các ý kiến thu được và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Ngày 29/03/2019: Công bố kết quả tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi người. Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã huy động toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia vào công tác tự đánh giá để hỗ trợ thu thập, xử lý, phân tích các thông tin minh chứng, đối chiếu các tiêu chí, tiêu chuẩn theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Trên cơ sở đánh giá sát thực các điểm mạnh và điểm yếu trên các lĩnh vực hoạt động của nhà trường để giúp cho nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục ngày được hoàn thiện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

**Mở đầu:**

Nhà trường xây dựng chiến và phát triển theo từng giai đoạn, phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non; lớp học được tổ chức theo từng độ tuổi; các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được tổ chức hoạt động đảm bảo theo quy định. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường chú trọng công tác quản lý trẻ trong mọi hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Trường đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường; tích cực thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động; quản lý tài chính, tài sản đúng quy định của nhà nước và sử dụng trong hoạt động giáo dục đạt hiệu quả, luôn đảm bảo an ninh trật tự an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Ổn định, phát triển, xây dựng và phát triển nhà trường có uy tín về mọi mặt, tiến tới tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại. Trong quá trình phát triển, nhà trường từng bước xây dựng, thực hiện quản lý theo quy trình, biểu mẫu, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn từng chức danh trong nhà trường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

**Mức 1:**

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

**Mức 2:**

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

**Mức 3:**

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

**1.1.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Trường có xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh phê duyệt [H1-1.1-02].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường [H1-1.1-03].

**Mức 2:**

Hằng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, thường xuyên đánh giá và sơ kết tổng kết quả thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng nhà trường. [H1-1.1-04].

**Mức 3:**

Hằng năm, nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đều có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-05]. Tuy nhiên trường chưa có kế hoạch điều chỉnh phương hướng, chiến lược và xây dựng phù hợp.

**1.1.2. Điểm mạnh:**

Được lãnh đạo các cấp quan tâm chỉ đạo sâu sát, cải tạo cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và tạo điều kiện cho trường phát triển toàn diện.

Tập thể sư phạm nhà trường có tinh thần đoàn kết tốt, vượt khó hoàn thành tốt công tác, năng động, sáng tạo trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ, tạo cơ hội cho trẻ phát triển toàn diện.

**1.1.3. Điểm yếu:**

Trường chưa có kế hoạch điều chỉnh phương hướng, chiến lược và xây dựng phù hợp với tình hình thực tế.

**1.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 – 2019 và những năm tiếp theo, hội đồng trường có kế hoạch phân công cụ thể cho các thành viên xây dựng kế hoạch theo dõi kiểm tra đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với tình hình thực tế.

**1.1.5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

**Mức 1:**

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

**Mức 2:**

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

**1.2.1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Hằng năm, hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập các hội đồng: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi cấp trường. Riêng Hội đồng trường do Phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận [H1-1.2-01].

Hội đồng trường họp 2 lần trong năm học (cuối học kỳ I và cuối học kỳ II, trường hợp cần thiết có thể họp khi có vấn đề phát sinh khác), nhằm đề ra phương hướng hoạt động của trường. Có đầy đủ các biên bản họp hội đồng ghi lại nội dung cuộc họp [H1-1.1-05].

Từng học kỳ có báo cáo sơ kết, tổng kết và nhận xét đánh giá kết quả hoạt động của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng và chăm sóc giáo dục trẻ. [H1-1.1-04].

**Mức 2:**

Hoạt động của các hội đồng nhà trường hằng năm đều hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.1-04]. Tuy nhiên các thành viên trong trong hội đồng trường chưa mạnh dạn trong việc đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**1.2.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có đầy đủ các hội đồng, Các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số: 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015).

**1.2.3. Điểm yếu:**

Các thành viên trong trong hội đồng trường chưa mạnh dạn trong việc đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**1.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 – 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng và khuyến khích các thành viên trong hội đồng trường mạnh dạn đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

**1.2.5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

3. Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

**Mức 1:**

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

**Mức 2:**

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

**Mức 3:**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng

**1.3.1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường có tổ chức công đoàn gồm có: 24/24 công đoàn viên [H1-1.3-01]. Có 12 đoàn viên đang sinh hoạt tại chi đoàn trường [H1-1.3-02]. Ngoài ra, trường thành lập Hội chữ thập đỏ [H1-1.3-03]; Hội khuyến học [H1-1.3-04].

Công đoàn hoạt động đúng theo quy định, tổ chức hoạt động đúng theo Luật Công đoàn và chỉ đạo của cấp trên [H1-1.3-05]. Chi đoàn hoạt động đúng theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-06].

Hằng năm, các đoàn thể rà soát, bổ sung báo cáo đánh giá kết quả hoạt động góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động đoàn thể trong nhà trường. [H1-1.1-04].

**Mức 2:**

Trường có chi bộ độc lập, hiện có 07 đảng viên, có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, có xây dựng quy chế hoạt động của chi bộ, Nghị quyết chi bộ, chấp hành tốt chỉ đạo của Đảng ủy xã Bình Lợi [H1-1.3-07].

Trong nhiều năm liền chi bộ được Đảng ủy công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Hằng năm chi bộ chỉ đạo nhà trường xây dựng kế hoạch và tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể của địa phương để tổ chức và thực hiện tốt hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Bên cạnh đó chi bộ thực hiện tốt công tác phát triển Đảng. [H1-1.3-08].

Công đoàn và chi đoàn tham gia tích cực các phong trào thi đua của địa phương cũng như của Ngành [H1-1.1-04].

**Mức 3**

Trong 05 năm liền Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Các đoàn thể tham gia tích cực các hoạt động của địa phương cũng như của cấp trên [H1-1.1-04]. Tuy nhiên đa số giáo viên có con nhỏ nên chưa có nhiều thời gian cho hoạt động phong trào, vì thế một phần nào đó ảnh hưởng đến việc tham gia các phong trào do xã đoàn của địa phương phát động.

**1.3.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong nhà tr­ường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, đảm bảo theo quy định, đạt hiệu quả cao.

**1.3.3. Điểm yếu:**

Đa số giáo viên có con nhỏ nên chưa có nhiều thời gian cho hoạt động phong trào, vì thế một phần nào đó ảnh đến việc tham gia các phong trào do xã đoàn của địa phương phát động.

**1.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 – 2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục có sự phân công hợp lý về mặt thời gian cho công đoàn viên trong việc tham gia phong trào do địa phương phát động.

**1.3.5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

**Mức 1:**

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

**Mức 2:**

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

**Mức 3:**

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**1.4.1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Thực hiện biên chế xếp loại trường: Hạng II; cán bộ quản lý gồm có 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh [H1-1.4-01].

Trường có 01 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng; tổ chuyên môn giáo viên có 14 giáo viên, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó. Tổ chuyên môn cấp dưỡng có 03 nhân viên cấp dưỡng và 01 tổ trưởng. Tổ văn phòng có 01 tổ trưởng và 03 thành viên (02 bảo vệ và 01 kế toán). Tổ chuyên môn và tổ văn phòng được hoạt động theo điều 14, điều 15 của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học và thực hiện sinh hoạt tổ định kỳ hai tuần một lần theo quy định Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-03]. Ngoài ra, còn có các buổi họp đột xuất để kịp thời triển khai các công tác khác khi có yêu cầu của nhà trường.Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của tổ theo quy định: Bồi dưỡng chuyên môn, đánh giá chất lượng hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, các hoạt động giáo dục khác theo Chương trình Giáo dục mầm non, quản lý thiết bị, đồ dùng dạy học, tham gia đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

**Mức 2:**

Hằng năm, các tổ chuyên môn đều có đề xuất và thực hiện các chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và có thảo luận ghi chép biên bản đầy đủ [H1-1.4-04].

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được đánh giá qua các cuộc họp, định kỳ hằng tháng có rà soát và kịp thời điều chỉnh phù hợp với từng nội dung [H1-1.4-03], tuy nhiên nội dung bồi dưỡng của tổ chưa phù hợp với một hạn chế ở một vài thời điểm trong năm.

**Mức 3:**

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã góp phần hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-03].

Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-04]. Tuy nhiên hình thức bồi dưỡng chuyên môn của tổ chưa phong phú, chưa thu hút giáo viên trong tổ.

**1.4.2. Điểm mạnh:**

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các các nhiệm vụ của tổtheo đúng quy định Điều lệ trường mầm non, có xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và thực hiện đạt hiệu quả theo nhiệm vụ được phân công.

**1.4.3. Điểm yếu:**

Hình thức bồi dưỡng chuyên môn của tổ chưa phong phú, chưa thu hút giáo viên trong tổ.

**1.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Từ năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, phó hiệu trưởng chuyên môn, tổ trường chuyên môn phối hợp xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn với nhiều hình thức phong phú đa dạng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chuyên môn.

**1.4.5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

5. Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

**Mức 1:**

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

**Mức 2:**

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

**Mức 3:**

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

**1.5.1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Năm học 2018 – 2019 trường Mẫu giáo Sen Hồng có tất cả 07 nhóm, lớp gồm:

- Nhà trẻ có 01 nhóm:

+ Trẻ từ 25 - 36 tháng tuổi: 20 trẻ.

- Mẫu giáo gồm có 06 nhóm, lớp:

+ 01 lớp 3 - 4 tuổi (Mầm): 35 trẻ.

+ 02 lớp 4 - 5 tuổi (Chồi): 59 trẻ.

+ 03 lớp 5 - 6 tuổi (Lá): 94 trẻ.

Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H1-1.5-01].

Trường có 208/208 trẻ, đạt tỷ lệ 100% được tổ chức học bán trú và được chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đúng quy định của Chương trình Giáo dục mầm non theo lịch sinh hoạt phù hợp từng lứa tuổi [H1-1.5-02].

Nhà trường đã quán triệt đến đội ngũ giáo viên về công tác giáo dục hòa nhập trong triển khai kế hoạch nhiệm vụ ngay từ đầu năm học đến đội ngũ giáo viên nhằm chú ý quan sát và phát hiện sớm, những đặc điểm về tật của trẻ trong quá trình học tập. Trong các năm học vừa qua và năm học 2018 - 2019 trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

**Mức 2:**

Số lượng trẻ trong một nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ trường mầm non. Tổng số trẻ là 208/07 lớp, bình quân 29 trẻ/lớp [H1-1.5-01]. Tuy nhiên nhóm trẻ 3 – 4 tuổi vượt quy định là 10 trẻ.

**Mức 3:**

Năm học 2018 – 2019 trường có 07 nhóm, lớp theo đúng quy định của Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.5-01].

**1.5.2. Điểm mạnh:**

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

100% trẻ được tổ chức bán trú, được tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và được bảo đảm quyền lợi theo quy định.

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi.

**1.5.3. Điểm yếu:**

Nhóm trẻ nhóm trẻ 3 – 4 tuổi vượt quy định là 10 trẻ.

**1.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 – 2019 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các lớp học và số trẻ trong một nhóm, lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Đảm bảo trẻ được sinh hoạt, học tập vui chơi tại trường. Đồng thời tham mưu với lãnh đạo huyện Bình Chánh, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển dụng thêm giáo viên, mở thêm nhóm, lớp 3- 4 tuổi, nhằm đảm bảo số lượng trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non đảm bảo đúng quy định.

**1.5.5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

**Mức 1:**

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

**Mức 2:**

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

**Mức 3:**

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1.6.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được sắp xếp khoa học và lưu trữ đầy đủ đúng theo quy định [H1-1.6-01].

Hằng năm, định kỳ kế toán nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê báo cáo tài chính và tài sản theo quy định về phòng Tài chính Kế hoạch huyện; có công khai định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định thông qua các cuộc họp Hội đồng sư phạm theo định kỳ; Hàng năm trường thực hiện tốt việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ được thể hiện cụ thể các nội dung và chỉ tiêu được tập thể nhà trường góp ý thông qua Hội nghị Cán bộ Công chức -Viên chức, được bổ sung, cập nhật kịp thời phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị và các quy định hiện hành [H1-1.6-02].

Trường quản lý thực hiện thu chi sử dụng tài chính theo qui định hiện hành của Bộ tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo; quản lý sử dụng đất đai và cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu phục vụ các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả và tuân theo các quy định của pháp luật, mọi thành viên trong trường có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản trong trường. Hằng năm trường thực hiện tốt kiểm kê tài sản và thực hiện kê khai tăng giảm tài sản trong sổ sách đầy đủ. Thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Công tác tài chính được công khai trên bản tin hàng tháng và trong Hội nghị Cán bộ Công chức – Viên chức đầu năm học. Sử dụng ngân sách Nhà nước có hiệu quả, nâng cao được chất lượng giáo dục của đơn vị [H1-1.6-02].

**Mức 2:**

Nhà trường thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường [H1-1.6-03].

Trong 5 năm vừa qua, nhà trường không có các trường hợp vi phạm về công tác thu, chi tài chính. Có đầy đủ biên bản kết luận của thanh tra, kiểm toán tài chính hằng năm [H1-1.6-04].

**Mức 3:**

Hằng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế tại địa phương [H1-1.6-02]. Tuy nhiên nhà trường chưa xây dựng kịp thời các kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn.

**1.6.2. Điểm mạnh:**

Trường lưu trữ đầy đủ các báo cáo tài chính, thực hiện kịp thời các chế độ cho các bộ, giáo viên và nhân viên. Hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

* + 1. **Điểm yếu:**

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

**1.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và thực hiện tốt công tác tài chính, theo đúng quy định của tài chính. Đồng thời xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và tình hình thực tế địa phương.

**1.6.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

**Mức 1:**

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

**Mức 2:**

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1.7.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Hằng năm, trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị [H1-1.7-01].

Đầu năm học, trường có Quyết định phân công cụ thể cho từng bộ phận. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên phù hợp với khả năng chuyên môn, từ đó mang lại hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo qui định hiện hành như: Lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn và khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm. Tổ chức cho CB – GV – NV tham quan du lịch 1 lần/năm. Chăm lo các khoản lễ, tết; trang phục bảo hộ lao động [H1-1.7-03].

**Mức 2:**

Nhà trường có biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-04].

Tuy nhiên một số nhân viên còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin (Bảo vệ, nhân viên cấp dưỡng).

**1.7.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng quy trình; thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản theo quy định. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý; đảm bảo đạt hiệu quả. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

**1.7.3. Điểm yếu:**

Một số nhân viên còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin (Bảo vệ, nhân viên cấp dưỡng).

**1.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Từ năm học 2018 – 2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và đảm bảo các quyền lợi của giáo viên theo quy định của pháp luật. Giáo viên, nhân viên được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn. Bên cạnh đó nhà trường chỉ đạo tổ trưởng văn phòng, tổ trưởng tổ chuyên môn cấp dưỡng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nhân viên thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

**1.7.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

**Mức 1:**

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

**Mức 2:**

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

**1.8.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Hằng năm, nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với các quy định và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-02].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện đầy đủ, phù hợp theo từng lứa tuổi [H1-1.5-02].

Kế hoạch giảng dạy của giáo viên được rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời theo từng nội dung phù hợp với từng lứa tuổi trong nhà trường [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, một số giáo viên mới ra trường còn hạn chế trong việc điều chỉnh kế hoạch trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

**Mức 2:**

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hàng tháng đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em được cơ quan cấp trên đánh giá đạt hiệu quả cao [H1-1.8-01].

**1.8.2. Điểm mạnh:**

Trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

**1.8.3. Điểm yếu:**

Một số giáo viên mới ra trường còn hạn chế trong việc điều chỉnh kế hoạch trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

**1.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, nhà trường chỉ đạo phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn có kế hoạch bồi dưỡng cho những giáo viên mới ra trường về nội dung xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng lứa tuổi.

**1.8.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

**Mức 1:**

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

**Mức 2:**

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1.9.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động nhà trường thông qua các buổi họp như: Họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt tổ chuyên môn, hội nghị cán bộ công chức, góp phần xây dựng nhà trường ngày càng phát triển tốt hơn [H1-1.9-01].

Hằng năm nhà trường có xây dựng lịch tiếp công dân, có phân công cụ thể các thành viên tiếp công dân. Trong các năm học qua không có tình trạng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị xảy ra trong nhà trường [H1-1.9-02].

Hằng năm nhà trường báo cáo kịp thời, đầy đủ về thực hiện quy chế dân chủ, công khai trong nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.9-02].

**Mức 2:**

Công đoàn trường phân công Ban Thanh tra nhân dân thực hiện cơ chế giám sát về quy chế dân chủ của nhà trường được đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả [H1-1.9-01]. Tuy nhiên ban thanh tra nhân dân do mới nhận nhiệm vụ nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giám sát.

**1.9.2. Điểm mạnh:**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Trong các năm học qua không có tình trạng khiếu nại, tố cáo, của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ. Lãnh đạo nhà trường thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ trong các hoạt động nhà trường.

**1.9.3 Điểm yếu:**

Ban thanh tra nhân dân do mới nhận nhiệm vụ nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giám sát.

**1.9.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch theo quy định. Nhà trường phối hợp với công đoàn có kế hoạch bồi dưỡng cho ban thanh tra nhân dân thực hiện tốt công tác giám sát theo quy định, mang lại hiệu quả cao.

**1.9.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

**Mức 1:**

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

**Mức 2:**

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1.10.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường có xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự, thực hiện phân công ca trực bảo vệ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhà trường phối hợp thực hiện tốt phương án đề ra [H1-1.10-01]. Trường có xây dựng các phương án cụ thể như: Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn, thương tích; Phương án phòng chống cháy, nổ; Phương án phòng chống dịch bệnh trong nhà trường. Trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Nhà trường có đặt các hộp thư góp ý trước cổng trường và xây dựng lịch tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh kịp thời, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường ra [H1-1.10-01].

Trường có xây dựng các phương án Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Trong các năm học qua không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-03].

**Mức 2:**

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; chống dịch bệnh theo mùa trong nhà trường [H1-1.10-02].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có đề ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả khi xảy ra các sự việc [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, còn một vài trẻ hiếu động chưa có ý thức tự phòng chống tai nạn, thương tích, đùa nghịch với bạn, còn xảy ra trầy xước khi vui chơi ngoài trời.

**1.10.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh;

Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ em được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trong các năm học qua, trường luôn đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ.

**1.10.3. Điểm yếu:**

Một vài trẻ hiếu động chưa có ý thức tự phòng chống tai nạn, thương tích, đùa nghịch với bạn, còn xảy ra trầy xước khi vui chơi ngoài trời.

**1.10.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tích cực đưa các nội dung phòng chống tai nạn thương tích vào chương trình tổ chức giờ học, hội thảo chuyên đề, phân công phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị theo kế hoạch, thực hiện tốt khâu chăm sóc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tham mưu và phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, ký kết đầy đủ hồ sơ an ninh trật tự với chính quyền địa phương.

**1.10.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đầy đủ các phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Cán bộ quản lý nhà trường làm tốt chức trách và nhiệm vụ được giao. Quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường đúng theo kế hoạch và theo sự chỉ đạo các cấp.

Trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non, đầy đủ số lượng, đúng thành phần, các đoàn thể có trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức điều hành có hiệu quả.

Nhà trường nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của chính quyền địa phương, thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động.

Trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

Thực hiện tốt chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công tác quản lý tài chính, tài sản có công khai đầy đủ, đúng quy định.

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh.

**Điểm yếu cơ bản:**

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

Một số giáo viên mới ra trường còn hạn chế trong việc điều chỉnh kế hoạch trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:**10/10.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/10.

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

**Mở đầu:**

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có thời gian công tác trong ngành giáo dục nhiều năm, có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, nắm vững chương trình giáo dục mầm non, có năng lực quản lý tổ chức các hoạt động nhà trường đạt hiệu quả, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn trở lên, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn giảng, có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhân viên của trường có trình độ đào tạo theo quy định, có tinh thần trách nhiệm phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ chế độ chính sách và mọi quyền lợi cho giáo viên, nhân viên, động viên tinh thần phấn đấu của đội ngũ, an tâm thực hiện tốt công tác.

2. Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

**Mức 1:**

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

**Mức 2:**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

**Mức 3:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**2.1.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Cán bộ quản lý trường đều có thâm niên công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non trên 5 năm: Hiệu trưởng có thâm niên công tác là 11 năm, phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, giáo dục có thâm niên công tác là 09 năm. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường hằng năm được tập thể tham gia đóng góp ý kiến theo Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường mầm non đúng quy định, có sự tham gia đóng góp ý kiến và xếp loại của cấp trên, kết quả: Xếp loại xuất sắc 02/02 - tỷ lệ 100% [H2-2.1-02].

Cán bộ quản lý đều có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, hằng năm được học tập bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-03].

**Mức 2:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá đúng theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non đạt loại xuất sắc 02/03 [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng đã qua lớp đào tạo cán bộ quản lý giáo dục và hoàn thành lớp trung cấp chính trị đạt 01/02 - tỷ lệ 50%, Hằng năm, được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01]. Tuy nhiên phó hiệu trưởng chưa qua lớp tào tạo quản lý giáo dục và đang học lớp trung cấp chính trị**.**

**Mức 3:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá đúng theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non đạt loại xuất sắc 02/02 [H2-2.1-02].

**2.1.2. Điểm mạnh:**

Cán bộ quản lý nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có năng lực chuyên môn, được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, lãnh đạo, chính quyền và phụ huynh tín nhiệm.

**2.1.3. Điểm yếu:**

Phó hiệu trưởng chưa qua lớp đào tạo quản lý giáo dục và đang học lớp trung cấp chính trị.

**2.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng phó hiệu nhà trường tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh tổ chức hằng năm để nắm vững và rút kinh nghiệm trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn; tiếp tục rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và nêu gương trong tập thể. Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu các cấp lãnh đạo tạo điều kiện cho phó hiệu trưởng tham gia lớp quản lý giáo dục và hoàn thành lớp trung cấp chính trị.

**2.1.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

2. Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

**Mức 1:**

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

**Mức 2:**

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**Mức 3:**

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

**2.2.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDDT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.7-02].

Trường có 14/14 giáo viên - tỷ lệ 100% đạt trình độ trên chuẩn đào tạo theo quy định. Trong đó có 64,28% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo: (Đại học sư phạm mầm non 05/14 giáo viên - tỷ lệ 35,7%; Cao đẳng sư phạm mầm non 04/14 giáo viên - tỷ lệ 28,6%); Trung cấp sư phạm mầm non 5/14 giáo viên - tỷ lệ 35,7% [H2-2.2-01].

Giáo viên của nhà trường được đánh giá xếp loại hằng năm theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, xếp loại chung đạt 100% từ loại khá trở lên, không có giáo viên xếp loại trung bình, yếu kém, cụ thể: Xếp loại xuất sắc 09/14 giáo viên, đạt tỷ lệ 64,3 % và 05/14 giáo viên được xếp loại khá - tỷ lệ 35,7% [H2-2.2-02].

**Mức 2:**

Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo 64,3%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định phù hợp với nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó 50% trở lên đạt loại xuất sắc [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**Mức 3:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 50% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức xuất sắc [H2-2.2-02]. Tuy nhiên tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo chưa đạt 65%.

**2.2.2. Điểm mạnh:**

100% giáo viên của trường đạt các yêu cầu về trình độ chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trong đó, có 100% giáo viên chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

**2.2.3. Điểm yếu:**

Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo của nhà trường chưa đạt 65%.

**2.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục rà soát đội ngũ giáo viên, có kế hoạch duy trì tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo trong những năm học tiếp theo.

**2.2.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

2. Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

**Mức 1:**

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

**Mức 2:**

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**Mức 3:**

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**2.3.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường có đầy đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.7-02].

Nhân viên nhà trường đạt trình độ chuẩn, được đào tạo theo quy định và đáp ứng yêu cầu công việc được phân công: Có 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư có trình độ cao đẳng kế toán hành chính sự nghiệp; 01 nhân viên y tế học đường kiêm công tác thủ quỹ có trình độ trung cấp điều dưỡng; 03/04 nhân viên cấp dưỡng có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn, 02/02 nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ theo quy định [H2-2.3-01].

Nhân viên nhà trường đều có năng lực luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

**Mức 2:**

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDDT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Năm học 2018-2019, trường có 08 nhân viên: 01 kế toán, và 01 văn thư, 02 bảo vệ, và 04 cấp dưỡng [H1-1.7-02].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, hằng năm được xếp loại đánh giá đúng theo quy định [H2-2.3-01].

**Mức 3:**

Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDDT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và đáp ứng được vị trí việc làm [H1-1.7-02]. Tuy nhiên nhân viên y tế học đường chưa có bằng y sĩ, hằng năm nhà trường hợp đồng với nhân viên y tế xã có bằng y sĩ để hỗ trợ công tác y tế trong nhà trường. [H2-2.3-03].

Hằng năm, nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.3-04].

**2.3.2. Điểm mạnh:**

Đội ngũ nhân viên nhà trường năng động, có trách nhiệm, biết sử công nghệ thông tin, có trình độ ngoại ngữ phù hợp, hoạt động nề nếp đáp ứng yêu cầu công việc và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

**2.3.3. Điểm yếu:**

Nhân viên y tế học đường chưa có bằng y sĩ.

**2.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục quan tâm hỗ trợ, phát huy thế mạnh và tinh thần làm việc năng động, sáng tạo của đội ngũ nhân viên khối văn phòng. Đồng thời tiếp tục hợp đồng với nhân viên y tế địa phương có bằng y sĩ để hỗ trợ công tác y tế trong nhà trường, tạo điều kiện cho nhân viên y tế nhà trường học bồi dưỡng theo quy định.

**2.3.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

**Điểm mạnh nổi bật:**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ quản lý có năng lực lãnh đạo, năng động, sáng tạo; đội ngũ giáo viên có trình độ trên chuẩn cao, yêu nghề, mến trẻ.

100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn theo yêu cầu, số lượng giáo viên và nhân viên đủ theo quy định, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Phó hiệu trưởng chưa qua lớp đào tạo quản lý giáo dục và đang học lớp trung cấp chính trị.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 03/03.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/03.

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

**Mở đầu:**

Khuôn viên và các công trình của nhà trường đảm bảo theo quy định. Cơ sở vật chất hằng năm nhà trường có kế hoạch cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đầy đủ theo quy định, đảm bảo nhu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở tại các nhóm lớp, Cơ sở vật chất trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi của nhà trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu học tập và sinh hoạt cho trẻ.

3. Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

**Mức 1:**

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

**Mức 2:**

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

**Mức 3:**

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

* + 1. **Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường có diện tích đất xây dựng theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017. Tổng diện tích đất: 5.237,48m2. Bình quân: 26,19 m2 cho một trẻ [H3-3.1-01].

Trường có cổng, biển tên trường theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non. Điểm trường có khuôn viên tường rào bao chắc chắn, kiên cố, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

Nhà trường có sân chơi rộng rãi với diện tích: 1.973 m2, được quy hoạch, thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: Khu chơi cát và nước, khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động. Các lớp đều có hiên chơi: 30m2 /1lớp; hành lang của nhóm lớp: 12m2/1 lớp; sân chơi chung: 1.73 m2.Trường có cây xanh, vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc giúp trẻ khám phá và học tập. Sân chơi – cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ, tuy nhiên sân trường còn nắng ảnh hưởng đến các hoạt động ngoài trời của trẻ [H3-3.1-03].

**Mức 2:**

Diện tích xây dựng công trình 1.579,1m2 và diện tích sân vườn 1.685,2m2 đảm bảo đạt tương đối theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

Khuôn viên nhà trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi, có cây xanh tạo bóng mát sân trường cho trẻ chơi, cây xanh thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây và vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định đáp ứng đúng theo từng lứa tuổi [H3-3.1-03].

**Mức 3:**

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ, có đầy đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với từng lứa tuổi, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-03].

**3.1.2. Điểm mạnh:**

Trường có đủ diện tích đất sử dụng đạt theo quy định, được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh kiên cố đảm bảo an toàn. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi.

* + 1. **Điểm yếu:**

Sân trường còn nắng nhiều làm hạn chế các hoạt động ngoài trời của trẻ.

**3.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo nhà trường thực hiện công tác tham mưu lãnh đạo cấp trên, vận động phối hợp cha mẹ cha mẹ học sinh tài trợ thêm kinh phí để làm mái che, bổ sung thêm cây xanh tạo bóng mát vườn trường đảm bảo an toàn và phù hợp cho trẻ hoạt động.

**3.1.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

3. Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

**Mức 1:**

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

**Mức 2:**

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

**Mức 3:**

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

**3.2.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Năm học 2018-2019, nhà trường có tất cả 07 nhóm, lớp gồm; 01 nhóm 25 - 36 tháng tuổi: 20 trẻ; 06 lớp mẫu giáo, trong đó có 01 lớp 3 - 4 tuổi (mầm): 35 trẻ, 02 lớp 4 - 5 tuổi (chồi): 59 trẻ và 03 lớp 5 - 6 tuổi (lá): 94 trẻ. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H1-1.5-01].

Nhà trường sử dụng phòng sinh hoạt chung 69m2, phòng ngủ của trẻ có diện tích: 69m2, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ [H3-3.1-02].

Phòng thể chất có diện tích 70m2, được trang bị các trang thiết bị cần thiết để trẻ hoạt động thể chất [H3-3.1-02].

Phòng Giáo dục Nghệ thuật có diện tích 70m2, có gương và gióng múa, có hệ thống âm thanh, có đàn, nhạc cụ, có tủ đồ dùng, đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa [H3-3.1-02].

Tất cả các nhóm lớp và khối phòng đều có đầy đủ hệ thống ánh sáng đèn, hệ thống quạt; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đảm bảo tốt cho trẻ được hoạt động [H3-3.1-02].

**Mức 2:**

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật và các phòng đa chức năng khác được xây dựng và có diện tích đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu được đảm bảo đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng đúng theo quy định, được sắp xếp gọn gàng, hợp lý, an toàn, thuận tiện [H3-3.1-02].

**Mức 3:**

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và làm quen với âm nhạc [H3-3.1-02]. Tuy nhiên trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học.

**3.2.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có đầy đủ các phòng sinh hoạt chung cho các lớp. Phòng sinh hoạt chung kết hợp làm nơi tổ chức ăn, ngủ cho trẻ bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ hoạt động; có tranh ảnh, trang trí đẹp, phù hợp; hành lang cho trẻ hoạt động đảm bảo an toàn. Có đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt, hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

* + 1. **Điểm yếu:**

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ em làm quen với tin học.

**3.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ sở vật chất hiện có. Đồng thời, tham mưu với cấp trên cấp thêm kinh phí để xây dựng thêm phòng cho trẻ làm quen tin học.

**3.2.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

3. Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

**Mức 1:**

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

**Mức 2:**

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

**Mức 3:**

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**3.3.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục gồm: Phòng Hành chính - quản trị có diện tích 24m2. Có bàn ghế họp và tủ văn phòng, các biểu bảng theo quy định [H3-3.1-01];[H3-3.3-01].

Phòng hiệu trưởng, có diện tích 42m2 có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách [H3-3.1-01];[H3-3.3-01].

Phòng phó hiệu trưởng có tổng diện tích 24m2. Có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách [H3-3.1-01];[H3-3.3-01].

Phòng Y tế, có diện tích 24m2. Có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ. Có các biểu bảng tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sổ kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ [H3-3.1-01];[H3-3.3-01].

Phòng nghỉ của nhân viên, có diện tích 36 m2. Có đầy đủ trang thiết bị: Tủ đồ dùng cá nhân, máy vi tính, góc nghỉ ngơi, thư giãn... [H3-3.1-01];[H3-3.3-01].

Phòng bảo vệ, có diện tích 09m2, có bàn ghế tiếp khách, có tủ để đồ dùng cá nhân [H3-3.1-01];[H3-3.3-01].

Các phòng đều có đầy đủ các thiết bị, phù hợp với từng phòng [H3-3.3-01].

Có 2 khu vệ sinh cho nhân viên, giáo viên nhà trường với 2 phòng. Tổng diện tích nhà vệ sinh là 38m2. [H3-3.1-01].

**Mức 2:**

Phòng Hành chính - quản trị, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên đều đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên diện tích 48m2, có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.1-02].

**Mức 3:**

Đa số các phòng đảm bảo đạt theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01]. Tuy nhiên, có vài phòng chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**3.3.2. Điểm mạnh:**

Các phòng đều có trang thiết bị tối thiểu để làm việc phương tiện, trang thiết bị để phục vụ cho công tác chuyên môn.

Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi, được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

* + 1. **Điểm yếu:**

Còn vài phòng chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**3.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019, nhà trường tích cực và tiếp tục duy trì nâng cấp hệ thống các phòng ngày càng khang trang, đầy đủ các thiết bị hiện đại. Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo bổ sung, trang bị các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**3.3.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

4. Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

**Mức 1:**

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

**Mức 2:**

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

**Mức 3:**

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**3.4.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích 105m2 trung bình 0,525m2/trẻ, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, ép nước quả, sinh tố... Có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.1-01];[H3-3.3-01].

Kho thực phẩm có khu vực phân chia để các loại thực phẩm kho và nước riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.1-02].

Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày đạt theo quy định [H3-3.1-03].

**Mức 2:**

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, đảm bảo trung bình 0,525m2/trẻ. Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3.1-01].

**Mức 3:**

Bếp ăn đảm bảo thông thoáng đạt yêu cầu thiết kế trường mầm non, thông thoáng, đủ ánh sáng, có đầy đủ các phương tiện bảo quản thực phẩm, hệ thống cung cấp nước sạch và có chỗ rửa tay với xà phòng hợp vệ sinh [H3-3.1-03]. Tuy nhiên chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07: 2010/BYT).

**3.4.2. Điểm mạnh:**

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, Có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm có kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày.

**3.4.3. Điểm yếu:**

Chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07: 2010/BYT): Phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác chưa được làm bằng vật liệu chắc chắn.

**3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tích cực tham mưu các cấp lãnh đạo có kế hoạch bổ sung, cải tạo trang thiết bị đồ dùng bếp ăn đầy đủ theo Quy định, Quy chuẩn QCVN 07: 2010/BYT.

**3.4.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

3. Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

**Mức 1:**

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

**Mức 2:**

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

**Mức 3:**

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**3.5.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bổ sung, trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 ban hành danh mục đồ dùng – đồ chơi – thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. [H3-3.3-01].

Bên cạnh đó, trường còn trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định mang tính hiện đại, phát huy tính tích cực chủ động trong việc tìm tòi khám phá giúp trẻ phát triển các lĩnh vực theo Chương trình Giáo dục mầm non nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn, đủ cho trẻ hoạt động [H3-3.5-01].

Hằng năm, các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa, trang bị đồ dùng, đồ chơi, ngoài danh mục quy định mang tính hiện đại, phát huy tính tích cực chủ động trong việc tìm tòi khám phá giúp trẻ phát triển các lĩnh vực theo Chương trình Giáo dục mầm non, đảm bảo tính an toàn, đủ cho trẻ hoạt động [H3-3.5-02].

**Mức 2:**

Hệ thống máy vi tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và các hoạt động dạy học [H3-3.5-02]. Tuy nhiên, hệ thống máy vi tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học thường xuyên bị rớt mạng.

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.3-01].

Hằng năm, nhà trường bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 (Thông tư Ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non), giáo viên tự làm đồ dùng dạy học phục vụ cho trẻ được hoạt động vui chơi và học tập [H3-3.5-01].

**Mức 3:**

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và các thiết bị ngoài danh mục quy định của nhà trường được giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên đạt được hiệu quả trong công tác giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.5-01].

**3.5.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định, đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, 100% hệ thống máy vi tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học và được được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung hằng năm.

Nhà trường thường xuyên phát động phong trào cho giáo viên tự làm đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị đồ dùng đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

* + 1. **Điểm yếu:**

Do đặc điểm trường thuộc vùng sâu, hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học thường xuyên bị rớt mạng, việc truy cập thông tin đôi lúc chưa kịp thời.

**3.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch sửa chữa mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng thời phân công nhân viên kế toán tích cực lựa chọn các nhà mạng thay đổi, kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học đạt hiệu quả tốt hơn.

**3.5.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

3. Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

**Mức 1:**

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

**Mức 2:**

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**3.6.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thoáng mát, sạch sẽ [H3-3.1-02]. Trường không có trẻ khuyết tật.

Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ sử dụng hằng ngày [H3-3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm hàng ngày và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường, có thùng đựng và phân loại rác thải, được bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại [H3-3.6-01].

**Mức 2:**

Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong các nhóm lớp, có diện tích 21,3m2/lớp, bình quân 0,71m2/trẻ, thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ, đủ phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân. Có 2 khu vệ sinh cho nhân viên, giáo viên nhà trường với 4 phòng. Tổng diện tích nhà vệ sinh là 38m2, đảm bảo yêu cầu và trang bị đầy đủ các thiết bị dụng cụ vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.1-01];[H3-3.1-02].

Trường có hệ thống thoát nước tốt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch của công ty cấp nước sạch Chợ Lớn và sử dụng nguồn nước từ cơ sở đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh có xét nghiệm nước hằng năm [H3-3.6-02]. Đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Học sinh được uống nước khoáng Alaska có chứng nhận của công ty cung cấp nước. Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh. Hệ thống cống rãnh của nhà trường được lắp đặt thi công đạt yêu cầu không xảy ra tình trạng ứ đọng nước khi sử dụng. Tuy nhiên hệ thống đường dẫn nước vào trường khá xa đôi lúc nước dẫn chậm, yếu làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của giáo viên, nhân viên và trẻ.

Nhà trường có hợp đồng với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường yêu cầu vệ sinh về thu gom, xử lý rác thải, rác được thu gom hằng ngày, đảm bảo khu vực trường không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-02].

**3.6.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Có đủ nước sạch để sử dụng, đủ điều kiện cung cấp nước nấu ăn, uống và nước sinh hoạt hợp vệ sinh, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; thực hiện việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng quy định của Bộ Y tế.

* + 1. **Điểm yếu:**

Hệ thống đường dẫn nước vào trường khá xa đôi lúc nước dẫn chậm, yếu thỉnh thoảng làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của giáo viên, nhân viên và trẻ.

* + 1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Từ năm học 2018- 2019 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công nhân viên kế toán tích cực tham mưu với cơ sở cấp nước, nâng cấp, sửa chữa đường dẫn nước đủ mạnh, nhằm đáp ứng nguồn nước sinh hoạt đảm bảo nhu cầu cho giáo viên, nhân viên và trẻ.

**3.6.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đủ các phòng theo quy định, các phòng khá khang trang,

đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Trường có hệ thống thoát nước tốt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch và hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Hệ

thống cống rãnh của nhà trường được lắp đặt thi công đạt yêu cầu, thoát nước tốt, không xảy ra tình trạng ứ đọng nước khi sử dụng.

**Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ em làm quen với tin học

Trường thuộc vùng sâu, hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học thường xuyên bị rớt mạng, việc truy cập thông tin đôi lúc chưa kịp thời.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu**: 06/06.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu**: 00/06.

4.Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

**Mở đầu:**

Công tác tham mưu với cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương được nhà trường thực hiện thường xuyên, công tác phối hợp với các ban ngành đoàn thể, thể hiện sự thống nhất cao. Trong công tác xã hội hóa giáo dục, nhà trường phối hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng Điều lệ quy định và thực hiện nhiều công trình thiết thực, có hiệu quả.

4. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

**Mức 1:**

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

**Mức 2:**

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

**Mức 3:**

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**4.1.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Đầu năm học, nhà trường có tổ chức họp cha mẹ học sinh và thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường và hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện CMHS có kế hoạch hoạt động năm học [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức và hoạt động theo đúng kế hoạch đề ra [H4-4.1-01].

Nhà trường phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ đề ra [H4-4.1-01].

**Mức 2:**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, thường xuyên hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em [H4-4.1-01].

**Mức 3:**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, có báo cáo tổng kết năm học của nhà trường có đánh giá về hiệu quả hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-04]. Tuy nhiên công tác xã hội hóa chưa được phụ huynh quan tâm, các đóng góp tài trợ của phụ huynh chưa đều tay.

**4.1.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng theo điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường và với giáo viên để thực hiện các công trình của trường, của lớp đạt kế hoạch đề ra.

**4.1.3. Điểm yếu:**

Các công tác xã hội hóa chưa được phụ huynh quan tâm, các đóng góp tài trợ của phụ huynh chưa đều tay.

**4.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu cùng với Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục duy trì và phát huy khả năng hoạt động tích cực của Ban đại diện cha mẹ học sinh, tiếp tục tuyên truyền vận động phụ huynh thực hiện tốt công tác xã hội hóa.

**4.1.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

4. Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

**Mức 1:**

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

**Mức 2:**

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

**Mức 3:**

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4.2.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường thực hiện tốt việc vận động, tham mưu với các cấp, các ngành của địa phương, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục mầm non [H1-1.1-04].

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp, qua việc trao đổi tuyên truyền giữa giáo viên và phụ huynh [H4-4.1-01].

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ [H4-4.2-01].

**Mức 2:**

Trong những năm qua, nhà trường đã chủ động và tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí tổ chức các ngày hội cho trẻ: tết trung thu, lễ tổng kết, ngày hội bé ra trường [H1-1.1-04]. Trường đã tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo chính quyền đầu tư xây dựng mới trường Mầm non Sen Hồng tại địa chỉ Ấp 2 xã Bình Lợi cấu trúc gồm 01 trệt, 01 lầu, tổng kinh phí dự án công trình là 30 tỷ đồng [H1-1.1-04].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương huy động các nguồn lực của cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đạt hiệu quả [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, trường chưa huy động được nhiều sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

**Mức 3:**

Trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị tại địa phương để xây dựng nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh an toàn cho trẻ; thực hiện ký kết liên tịch thực hiện việc đảm bảo an ninh trật tự với công an xã Bình Lợi. Hằng năm nhà trường được công nhận “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” [H4-4.2-02].

**4.2.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường đã chủ động tham mưu tốt với các cấp lãnh đạo địa phương và huy động được các nguồn lực xã hội đầu tư, hỗ trợ nhà trường trong công tác bổ sung trang thiết bị, xây dựng môi trường sạch đẹp, an toàn.

**4.2.3. Điểm yếu:**

Trường chưa huy động được nhiều sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

**4.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy sự chủ động, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cá nhân, tổ chức doanh nghiệp ở địa phương để tăng cường huy động các nguồn lực tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường ngày một khang trang, hiện đại hơn, hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**4.2.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với lãnh đạo, công tác phối hợp với các ban ngành, đoàn thể thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục với ban đại diện cha mẹ học sinh có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Có nhiều công trình mang tính khả thi đạt chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Trường chưa huy động được nhiều sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu**: 02/02.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu**: 00/02.

5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

**Mở đầu:**

Qua sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo Ngành và nhà trường, quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục của tập thể sư phạm và sự phối hợp của cha mẹ học sinh, trẻ được, học tập, vui chơi theo đặc điểm tâm sinh lý từng lứa tuổi, được phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm xã hội, thẩm mỹ theo Chương trình Giáo dục mầm non và bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Tập thể giáo viên thực hiện tốt việc theo dõi đánh giá trẻ và áp dụng biện pháp tích cực tác động trên trẻ đạt hiệu quả.

5. Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

**Mức 1:**

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

**Mức 2:**

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

**Mức 3:**

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**5.1.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đề ra phù hợp với đặc điểm, điều kiện của nhà trường [H1-1.5-02].

Nhà trường đã phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của phòng Giáo dục và đào tạo huyện Bình Chánh. Thực hiện kết nối mạng nội bộ cho các lớp, giáo viên thực hiện việc soạn kế hoạch năm - tháng - tuần trên phần mềm Mindjet Manager giúp cho Ban giám hiệu dễ dàng trong việc quản lý và duyệt kế hoạch [H1-1.5-02].

Hằng tuần, phó hiệu trưởng chuyên môn và nhóm trưởng đều có duyệt kế hoạch, giáo án cho giáo viên nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên điều chỉnh kịp thời và phù hợp. Hằng tháng nhà trường đều tiến hành họp giáo viên để đánh giá kết quả chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục, đồng thời giáo viên đánh giá kết quả trẻ đạt được theo bộ chuẩn 5 tuổi và có kế hoạch điều chỉnh phù hợp theo khả năng của trẻ [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]. Hằng năm trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường đều đánh giá kết quả nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

**Mức 2:**

Nhà trường Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng hằng năm trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường đều có kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đánh giá việc thực hiện Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

Nhà trường đã phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của phòng giáo dục và đào tạo Huyện Bình Chánh; thực hiện tốt công tác kết nối mạng nội bộ để thuận lợi cho giáo viên thực hiện soạn kế hoạch giáo dục, kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với văn hóa địa phương đồng thời phù hợp với sự phát triển của trẻ. [H1-1.5-02].

**Mức 3:**

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới chưa được nhà trường tham khảo, áp dụng.

Hằng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục và chăm sóc trẻ, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với từng địa phương [H1-1.1-04].

**5.1.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường tổ chức thực hiện đúng Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

**5.1.3. Điểm yếu:**

Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới chưa được nhà trường tham khảo, áp dụng.

**5.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**:

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu với lãnh đạo để được tham quan học tập Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới, nhằm cải tiến phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới phù hợp với thực tiễn của trường.

**5.1.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

5. Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

**Mức 1:**

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

**Mức 2:**

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

**Mức 3:**

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

**5.2.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với các độ tuổi, thực hiện linh hoạt các phương pháp, biện pháp đảm bảo với mục tiêu giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện của nhà trường [H1-1.5-02].

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động lễ hội, tham quan phù hợp với môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ em được vui chơi, trải nghiệm [H5-5.2-01].

Nhà trường Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của địa phương [H5-5.2-02].

**Mức 2:**

Thường xuyên tổ chức các hoạt động cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xunh quanh phù hợp với nhu cầu hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của địa phương: tham qua khu di tích lịch sử Láng Le Bàu Cò, tham quan trường tiểu học, mời nghệ nhân, tham quan các khu di tích của địa phương [H5-5.2-01].

**Mức 3:**

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp: Nhu cầu, khả năng của trẻ em; kích thích hứng thú; tạo cơ hội cho trẻ em tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” được thể hiện trong kế hoạch năm, tháng, tuần của trường và của nhóm lớp; Sản phẩm hoạt động của trẻ em. Tuy nhiên giáo viên còn lúng túng khi cho trẻ hoạt động tham quan dã ngoại [H5-5.2-01];[H5-5.2-02].

**5.2.2. Điểm mạnh:**

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo mục tiêu, nội dung phù hợp với giáo dục, phù hợp với trẻ và điều kiện của nhà trường, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học lành mạnh, an toàn phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

**5.2.3. Điểm yếu:**

Tuy nhiên giáo viên còn lúng túng khi cho trẻ hoạt động tham quan dã ngoại.

**5.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, Phó hiệu trưởng nhà trường tiếp tục duy trì công tác tổ chức, hướng dẫn các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi, các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp cho trẻ theo độ tuổi. Đồng thời xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên về các kỹ năng để xử lý tốt các tình hướng khi trẻ tham quan dã ngoại.

**5.2.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

5. Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ

**Mức 1:**

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

**Mức 2:**

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

**Mức 3:**

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

**5.3.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Hằng năm, nhà trường đều phối hợp với bệnh viện huyện Bình Chánh tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm một lần, phối hợp với trạm y tế xã Bình Lợi khi có chiến dịch tiêm chủng mở rộng, uống vitamin A, tẩy giun, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh…[H5-5.3-01].

Năm học 2018 - 2019: 209/209 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Đối với trẻ khối mẫu giáo định kỳ hàng quý 100% trẻ được đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe, riêng khối nhà trẻ, trẻ suy dinh dưỡng - dư cân - béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-02].

Đối với những trẻ suy dinh dưỡng, dư cân, béo phì, nhà trường có biện pháp chống suy dinh dưỡng - dư cân hằng năm, có tổ chức tăng cường vận động với những trẻ dư cân béo phì, có chế độ dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, tình trạng thấp còi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-04].

**Mức 2:**

Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua các cuộc họp phụ huynh, qua bảng thông tin tuyên truyền của nhà trường [H4-4.1-01].

Chế độ dinh dưỡng tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ, đảm bảo đạt theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2017, giúp trẻ phát triển về thể lực. [H1-1.1-04].

100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp dinh dưỡng của trẻ [H5-5.3-04]. Tuy nhiên, những trẻ suy dinh dưỡng còn lên cân chậm, chiều cao tăng chậm.

**Mức 3:**

Với chế độ dinh dưỡng và các chế độ chăm sóc của nhà trường thì đa số trẻ đều đạt được khỏe mạnh, chiều cao cân nặng [H5-5.3-02];[H5-5.3-02].

**Điểm mạnh:**

Trẻ có chiều cao, cân nặng, phát triển bình thường theo độ tuổi, trẻ thực hiện được các vận động cơ bản, có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo phù hợp với độ tuổi; có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân, có kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe phù hợp với độ tuổi.

* + 1. **Điểm yếu:**

Trẻ suy dinh dưỡng còn lên cân chậm, chiều cao tăng chậm.

* + 1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, chỉ đạo giáo viên tăng cường tổ chức các hoạt động vận động cho trẻ trong lớp, ngoài trời. Bên cạnh đó, nhà trường kết hợp tổ chức các chuyên đề về dinh dưỡng nhằm tư vấn cho phụ huynh các kiến thức về thực phẩm, cách chế biến và sự kết hợp các

dưỡng chất giúp phụ huynh hiểu thêm về sự cân bằng dinh dưỡng để chế biến các bữa ăn cho trẻ hợp lý, nhằm giảm tỷ lệ trẻ dư cân, béo phì.

**5.3.5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

5. Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

**Mức 1:**

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

**Mức 2:**

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

**Mức 3:**

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

**5.4.1. Mô tả hiện trạng:**

**Mức 1:**

Năm học 2017 - 2018 tỷ lệ chuyên cần trẻ đến trường đạt tỷ lệ cao, cụ thể: trẻ 3 - 4 tuổi đạt tỷ lệ 81%, trẻ 4 - 5 tuổi đạt tỷ lệ 89,5%, trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ 98,2%, [H5-5.4-01].

Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp một, năm học 2017 - 2018, nhà trường có 134/134 - tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non. [H5-5.4-02].

Từ năm học 2014 - 2015 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Các năm học đều có học sinh gặp hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm hỗ trợ chi phí học tập theo quy định [H5-5.4-03].

**Mức 2:**

Nhà Trường thực hiện tốt công tác phối hợp với phụ huynh để đảm bảo tỉ lệ chuyên cần, đối với 5 tuổi đạt 98,2% đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt được 85% [H5-5.4-01].

Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào lớp một, có 134/134 - 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Trong các năm học qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

**Mức 3:**

Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào lớp một, có 134/134 - 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Tuy nhiên công tác bồi dưỡng kiến thức cho giáo viên về chăm sóc và giáo dục trẻ học hòa nhập còn ít, chưa phong phú.

**5.4.2. Điểm mạnh:**

Trường có sự phối hợp tốt với chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương và phụ huynh trong công tác huy động trẻ 5 tuổi đến trường và đảm bảo trẻ được hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

**5.4.3. Điểm yếu:**

Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Tuy nhiên công tác bồi dưỡng kiến thức cho giáo viên về chăm sóc và giáo dục trẻ học hòa nhập còn ít, chưa phong phú

**5.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 - 2019 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục giữ vững chỉ tiêu đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non và đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Đồng thời, phân công phó hiệu trưởng sưu tầm các tài liệu và đưa và nội dung học tập bồi dưỡng thường xuyên, yêu cầu giáo viên tham khảo kiến thức nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

**5.4.5.Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình có ý thức, có trách nhiệm với sự tồn tại và phát triển của nhà trường, làm tốt nhiệm vụ chăm sóc nuôi dạy trẻ. Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường luôn được đánh giá tốt, trẻ phát triển cân đối, khỏe mạnh. Tỷ lệ trẻ nằm trong kênh bình thường cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng luôn dưới 10%. Đối với những trẻ thừa cân béo phì, nhà trường có nhiều biện pháp nhằm hạn chế tăng cân và đảm bảo sức khoẻ cho trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Trẻ suy dinh dưỡng còn lên cân chậm, chiều cao tăng chậm.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 04/04.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/04.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mẫu giáo Sen Hồng có cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường chặt chẽ, hợp lý, phát huy được nguồn lực cũng như sức mạnh đảm bảo cho việc điều hành tổ chức các hoạt động trong nhà trường đạt hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường an tâm trong công tác, có tinh thần học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, có ý thức trách nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng cho nhu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ngày một nâng cao chất lượng. Nhà trường tích cực phối hợp tốt với cha mẹ trẻ hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, chủ động tham mưu với cấp lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể góp phần cùng nhà trường xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn. Trường đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 1:

+ Các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%

+ Các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 0%

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 2:

+ Các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%

+ Các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 0%

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 3:

+ Các tiêu chí đạt: 11/25, tỷ lệ: 44%

+ Các tiêu chí không đạt: 14/25, tỷ lệ: 56%

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2.

Căn cứ Điều 6 theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Trường Mẫu giáo Sen Hồng đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục của Trường Mẫu giáo Sen Hồng về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự quan tâm, hướng dẫn của các cấp lãnh đạo, đoàn thể, chính quyền địa phương cùng đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đáp ứng được niềm tin yêu của phụ huynh, nhu cầu của xã hội và mục tiêu giáo dục mầm non./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Hương**